

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2023
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hiền.

Ông Phạm Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Trung K và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung K trình bày: Vào năm 2019 bà với ông K kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung, phải chịu đựng lẫn nhau để vun đắp hạnh phúc nhưng không kết quả bà N tự bỏ con về cha mẹ ruột sống từ năm 2020 và hai người đã sống ly thân từ đó đến nay nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng ông K, bà N chung sống có người con chung tên Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2020, giới tính nam. Sau khi ly hôn ông K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ông K không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung K Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 21/TB-TLVA ngày 27/3/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 29/TB-TA ngày 27/3/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 36/TB-TA ngày 27/4/2023 đã niêm yết hợp lệ cho bà N theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng bà N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Trung K với Bà Nguyễn Thị Huỳnh N **có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.**

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trung K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau, không còn điều kiện, khả năng hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con chung nên hai người đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông K với bà N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Trung K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian vợ chồng ông K, bà N chung sống có người con chung tên Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2020, giới tính nam. Tại phiên tòa ông K yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hoàng K1, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Còn bà N không đồng ý yêu cầu của ông K mà yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung tên Nguyễn Hoàng K1, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ. Tuy nhiên, hiện nay bà N đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hoàng K1 từ khi hai người sống ly thân đến nay cháu K1 phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần bình thường như bao trẻ khác và để ổn định tâm lý của cháu K1 trong thời gian này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N tiếp

tục giao người con chung tên Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2020, giới tính nam cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ông K không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà Như không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông K, bà N xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông K, bà N cam kết không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Nguyễn Trung K tự nguyện chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 và từ Điều 81 đến Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b Khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung K đối với bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trung K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Về con chung:

Không chấp nhận yêu cầu quyền nuôi con của ông Nguyễn Trung K.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Huỳnh N tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Hoàng K1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2020, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Huỳnh Như không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Trung K tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000916 ngày 22/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Trung K được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Trung K và bà Nguyễn Thị Huỳnh N. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

